

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG BÚK
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 43/2022/DS-ST

Ngày: 19/9/2022

V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Tín.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Y Mung Niê;

2. Ông Nguyễn Ngọc Thọ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn – Kiểm sát viên.

Ngày 19/9/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 265/2021/TLST-DS ngày 15/11/2021 về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2022/QĐXXST-DS ngày 10/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2022/QĐST-DS ngày 25/8/2022 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông Phạm Văn Nh, bà Lê Thị X; Địa chỉ: Thôn 8, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Có mặt.

2. **Bị đơn:** Ông Tô Văn Q, bà Huỳnh Thị N; Địa chỉ cư trú: Buôn C, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Phạm Văn Nh trình bày: Do có mối quan hệ quen biết nhau, trước đây vợ chồng tôi có cho vợ chồng ông Tô Văn Q, bà Huỳnh Thị N vay tổng số tiền là 43.500.000 đồng, cụ thể như sau:

Lần 1. Vào ngày 15/03/2017 âm lịch (tức ngày 11/04/2017 dương lịch), vợ chồng ông Tô Văn Q, bà Huỳnh Thị N có vay số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất tự thỏa thuận. Để đảm bảo sự tin tưởng, hai bên có lập giấy viết tay, ông Q bà N có hẹn đến cuối năm 2017 sẽ thanh toán cả gốc và lãi.

Lần 2. Vào ngày 18/11/2017 âm lịch (tức ngày 04/01/2018 dương lịch), vợ chồng ông Tô Văn Q, bà Huỳnh Thị N có tiếp tục vay số tiền 38.500.000 đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận là 2,5%/tháng. Để đảm bảo sự tin tưởng, hai bên có lập giấy viết tay, ông Q bà N có hẹn đến ngày 18/11/2018 sẽ thanh toán cả gốc và lãi.

Tuy nhiên, đến nay đã quá hạn trả nợ, chúng tôi đã rất nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông Tô Văn Q, bà Huỳnh Thị N trả số tiền nợ gốc và lãi suất theo thỏa thuận. Vì vậy, vợ chồng tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Tô Văn Q, bà Huỳnh Thị N phải trả cho vợ chồng tôi tổng số tiền: 63.973.000 đồng. Trong đó: Nợ gốc là 43.500.000 đồng; Lãi suất tạm tính như sau:

a. Đối với khoản vay 5.000.000 đồng vào ngày 15/03/2017 âm lịch (tức ngày 11/04/2017 dương lịch). - Lãi trong hạn: Tính từ ngày 11/04/2017 dương lịch đến ngày hẹn trả 30/12/2017 là: $5.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 8 \text{ tháng } 19 \text{ ngày} = 354.000 \text{ đồng}$. - Lãi quá hạn: Tạm tính từ ngày quá ngày hẹn trả 01/01/2018 đến ngày nộp đơn khởi kiện 11/11/2021: $5.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 3 \text{ năm } 10 \text{ tháng } 10 \text{ ngày} = 1.924.000 \text{ đồng}$. Tổng lãi là 2.278.000 đồng.

b. Đối với khoản vay 38.500.000 đồng vào ngày 18/11/2017 âm lịch (tức ngày 04/01/2018 dương lịch). - Lãi trong hạn: Tính từ ngày 04/01/2018 dương lịch đến ngày hẹn trả 18/11/2018 là: $38.500.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 10 \text{ tháng } 14 \text{ ngày} = 6.624.000 \text{ đồng}$. - Lãi quá hạn: Tạm tính từ ngày quá ngày hẹn trả 09/11/2018 đến ngày nộp đơn khởi kiện 11/11/2021: $38.500.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 3 \text{ năm } 2 \text{ ngày} = 11.571.000 \text{ đồng}$. Tổng lãi suất: 18.195.000 đồng. Tổng lãi của hai khoản là 20.473.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông Nh, bà X rút một phần yêu cầu khởi kiện, do Kết luận giám định chữ viết chữ ký chỉ kết luận chữ viết, chữ ký là của bà N nên ông Nh, bà X chỉ yêu cầu bà N phải trả số nợ trên, không yêu cầu ông Q.

Bị đơn ông Tô Văn Q, bà Huỳnh Thị N đã đi khỏi nơi cư trú, không có thông tin về chỗ ở mới; Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật tại nơi cư trú cuối cùng của bị đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã đi khỏi địa phương, Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng theo luật định nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Huỳnh Thị N phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền nợ gốc là 43.500.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Q, bà N đã đi khỏi nơi cư trú, Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nh, bà X việc yêu cầu bà N phải trả tổng số tiền: 63.973.000 đồng. Trong đó: Nợ gốc là 43.500.000 đồng; nợ lãi là 20.473.000 đồng; Hội đồng xét xử xét thấy:

Nguyên đơn cung cấp Giấy nợ đề ngày 15/03/2017 âm lịch (nhằm ngày 11/04/2017 dương lịch) có nội dung “*Hôm nay là ngày 15 tháng 3-2017 em mượn nóng anh chị 5.000.000 (viết bằng chữ 5 triệu đồng chẵn) N*”; và Giấy nợ đề ngày 18/11/2017 âm lịch (nhằm ngày 04/01/2018 dương lịch) có nội dung “*Hôm nay là ngày 18-11-AL em có mượn anh chị 5 Nh là 38.500.000 đồng (Ba mươi tám triệu năm trăm ngàn đồng chẵn) lãi suất 2% đến ngày 18-11-2018 vợ chồng em phải trả cho anh chị N + Q*”. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký của bị đơn trong 02 giấy nợ trên. Tại Kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận:

“- Chữ ký dạng chữ viết tên “N” trên 02 tài liệu cần giám định so với chữ viết họ tên “Huỳnh Thị N” trên tài liệu mẫu so sánh do cùng một người viết ra.

- Không đủ cơ sở kết luận chữ viết nội dung “Hôm nay là ngày 15 tháng 3-2017 em mượn nóng anh chị 5,000,000 (viết bằng chữ 5 triệu đồng chẵn)” trên tài liệu giấy ngày 24/12/2016 và chữ viết trên tài liệu giấy ngày 18/11 AL so với chữ viết mang tên Huỳnh Thị N trên các mẫu so sánh có phải do cùng một người viết ra hay không do mẫu so sánh quá ít.

- Chữ ký dạng chữ viết Q” trên tài liệu giấy ngày 18/11 AL so với chữ lý, chữ viết mang tên Tô Văn Q trên các mẫu so sánh không phải do cùng một người viết ra.”

Căn cứ vào Kết luận giám định, Hội đồng xét xử xác định vào ngày 11/04/2017 và ngày 04/01/2018 bà N có vay của ông Nh, bà X số tiền lần lượt là 5.000.000 đồng và 38.500.000 đồng. Đối với ông Q, giấy nợ không thể hiện mục đích vay tiền; không thể hiện chữ ký, chữ viết của ông Q; ông Nh, bà X không cung cấp thêm tài liệu gì để chứng minh việc ông Q cùng với bà N vay các khoản tiền trên nên; đồng thời tại phiên tòa ông Nh, bà X chỉ yêu cầu một mình bà N phải trả nợ nên Hội đồng xét xử xét thấy chấp nhận yêu cầu của ông Nh bà X, buộc bà N phải trả cho ông Nh bà X tổng số tiền nợ gốc là 43.500.000 đồng phù hợp với quy định tại Điều 288, Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015.

Về yêu cầu tính lãi, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Giấy nợ ngày 11/04/2017 không thể hiện việc thỏa thuận lãi, không thể hiện thời hạn nên được yêu cầu tính lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 trên số tiền chậm trả kể từ ngày nộp đơn khởi kiện, cụ thể: 10%/năm kể từ ngày 11/11/2021 cho đến ngày xét xử ngày 19/9/2022; lãi được tính cụ thể như sau: 5.000.000 đồng x 10%/năm x 09 tháng 08 ngày = 386.000 đồng.

- Giấy nợ ngày 04/01/2018 thể hiện việc thỏa thuận lãi, thời hạn trả vào ngày 18/11/2018 âm lịch nhằm ngày 24/12/2018 dương lịch nên lãi suất được xác định như sau: Lãi trong hạn: 38.500.000 đồng x 20%/năm x 11 tháng 20 ngày = 7.486.000 đồng (Tính từ ngày 04/01/2018 đến ngày hẹn trả 24/12/2018). Lãi quá hạn: 38.500.000 đồng x 10%/năm x 3 năm 08 tháng 26 ngày = 14.394.000 đồng (Tính từ ngày 19/11/2018 đến ngày xét xử 19/9/2022).

Tổng số tiền lãi là: 386.000 đồng + 7.486.000 đồng + 14.394.000 đồng = 22.266.000 đồng; Cần buộc bà N phải trả số tiền lãi 22.266.000 đồng cho ông Nh, bà X là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 5 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Như vậy, tổng số tiền nợ gốc và lãi cần buộc bà N phải trả cho ông Nh, bà X tính đến ngày xét xử 19/9/2022 là: 43.500.000 đồng + 22.266.000 đồng = 65.766.000 đồng.

[4] Về chi phí trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký: Do kết quả giám định chữ ký thể hiện chữ ký là của bà Huỳnh Thị N nên bà N phải chịu 6.000.000 đồng chi phí trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký. Do ông Nh, bà X đã tạm ứng nên bà N phải hoàn trả cho ông Nh, bà X số tiền 6.000.000 đồng.

[5] Về án phí: Bị đơn bà N phải chịu số tiền (65.766.000 đồng x 5%) 3.288.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho ông Nh, bà X số tiền 1.588.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là phù hợp với quy định tại Điều 144, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 288, khoản 2 Điều 357, Điều 463, khoản 1, khoản 5 Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

- Điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn Nh, bà Lê Thị X.

Buộc bị đơn bà Huỳnh Thị N phải trả cho ông Phạm Văn Nh, bà Lê Thị X tổng số tiền 65.766.000 đồng (Sáu mươi năm triệu, bảy trăm sáu mươi sáu nghìn đồng); Trong đó: Nợ gốc là 43.500.000 đồng, nợ lãi là 22.266.000 đồng (lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm, ngày 19/9/2022).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về chi phí giám định chữ viết, chữ ký: Bà Huỳnh Thị N phải chịu 6.000.000 đồng chi phí trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký. Do ông Nh, bà X đã tạm ứng nên bà Huỳnh Thị N phải hoàn trả cho ông Phạm Văn Nh, bà Lê Thị X số tiền 6.000.000 đồng.

3. Về án phí:

Bị đơn bà Huỳnh Thị N phải chịu số tiền 3.288.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho nguyên đơn ông Phạm Văn Nh, bà Lê Thị X số tiền 1.588.000

đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai số 60AA/2021/0007568 ngày 12/11/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

Báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo luật định.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Búk;
- Chi cục THADS huyện Krông Búk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Võ Văn Tín